

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 52 /2019/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 05 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 336/HĐND ngày 04/12/2019 về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, công trình sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1626/STC-CSDN ngày 10 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Những nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng không quy định tại

Quyết định này được thực hiện theo Nghị định 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này.

- Tham gia ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi phê duyệt hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng diện tích theo đúng định mức tại Quyết định này và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng chưa được quy định tại Quyết định này; các cơ quan tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Như điều 7 (thực hiện);
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- VP: các PCVP, CVNCTH;
- Lưu: VP, TH (HT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Hoàng Xuân Ánh



PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng



STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Diện tích tối đa sử dụng cho hoạt động					Kho chuyên ngành (m ²)
		Tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính (m ²)	Tiếp dân (m ²)	Quản trị hệ thống công nghệ thông tin (m ²)	Trung tâm hành chính công (m ²)	Hội trường lớn không bao gồm sân khấu từ 100 chỗ ngồi trở lên (m ²) (Căn cứ quy mô, biên chế của đơn vị và không bao gồm sân khấu)	
1	Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh		100		1.200	- Chỗ ngồi có bàn: Từ 1,8 m ² /chỗ ngồi trở lên. - Chỗ ngồi không có bàn: Từ 0,8 m ² /chỗ ngồi trở lên.	
2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	60	45	80		- Chỗ ngồi có bàn: Từ 1,8 m ² /chỗ ngồi trở lên. - Chỗ ngồi không có bàn: Từ 0,8 m ² /chỗ ngồi trở lên.	200
3	Đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	40	30	40		- Chỗ ngồi có bàn: Từ 1,8 m ² /chỗ ngồi trở lên. - Chỗ ngồi không có bàn: Từ 0,8 m ² /chỗ ngồi trở lên.	100
4	Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	120	60	80	800	- Chỗ ngồi có bàn: Từ 1,8 m ² /chỗ ngồi trở lên. - Chỗ ngồi không có bàn: Từ 0,8 m ² /chỗ ngồi trở lên.	200
5	Các đơn vị trực thuộc UBND các huyện, thành phố	40	30	40		- Chỗ ngồi có bàn: Từ 1,8 m ² /chỗ ngồi trở lên. - Chỗ ngồi không có bàn: Từ 0,8 m ² /chỗ ngồi trở lên.	100
6	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn	60	40	40		- Chỗ ngồi có bàn: Từ 1,8 m ² /chỗ ngồi trở lên. - Chỗ ngồi không có bàn: Từ 0,8 m ² /chỗ ngồi trở lên.	100

Ghi chú:

- Kho chuyên ngành: Kho quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, hồ sơ án....

